TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ **TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 101/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 14 – 11 – 2018
V/v: "Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Xuân Long
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Vũ Thị Phượng
2. Bà Trần Thị Lệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân - Thư ký tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên toà: bà Hoàng Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2018, tại Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 181/2018/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 05 năm 2018 về: "Tranh chấp tài sản khi ly hôn"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2018/QĐXX-ST ngày 10 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa ngày 26 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. N*guyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Xuân T, sinh năm 1974 (có mặt);
Địa chỉ: 03/44 đường X, phường Y, quận Z, TP Hồ Chí Minh;
2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1969 (vắng mặt);
Địa chỉ: Tổ X, phường Y, thị xã Z, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 05 tháng 4 năm 2018 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Xuân T trình bày:

Bà Nguyễn Thị Xuân T và ông Nguyễn Ngọc H là vợ chồng, có đăng ký kết hôn vào ngày 01/05/1995 tại UBND xã Y, huyện Z, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Do cuộc hôn nhân không hạnh phúc nên bà T và ông H đã thuận tình ly hôn theo quyết định giải quyết yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn số 38/2009/QĐ-VHN ngày 31/12/2009 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Trong quá trình giải quyết việc hôn nhân thì ông H và bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung của vợ chồng.

Tài sản chung vợ chồng giữa bà T và ông H là: Quyền sử dụng đất Z, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND huyện Tân Thành cấp cho hộ ông Nguyễn Ngọc H vào ngày 05/4/2004 và tài sản có trên đất là căn nhà.

Nhà đất này hiện nay do ông H quản lý, sử dụng; bà T đã nhiều lần yêu cầu ông H phân chia giao ½ giá trị nhà đất trên cho bà, nhưng ông H không chấp nhận.

Do đó, bà T khởi kiện ông H ra Tòa án để yêu cầu giải quyết chia tài sản chung vợ chồng trên như sau: Giao nhà đất trên cho ông H tiếp tục quản lý, sử dụng và định đoạt; ông H phải có trách nhiệm giao lại cho bà T ½ giá trị căn nhà bằng tiền, theo giá trị của Hội đồng định giá tài sản đã xác định.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, bị đơn – ông Nguyễn Ngọc H vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ cho rằng:

Về trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng theo quy định của Luật tố tụng dân sự, cụ thể: thu thập tài liệu chứng cứ đúng quy định, xác định đúng quan hệ tranh chấp, đúng thẩm quyền giải quyết, các quyền và nghĩa vụ của đương sự đã được thực hiện đầy đủ.

Về nội dung vụ án: Qua trình bày của đương sự, cùng tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào Điều 33, 59 Luật hôn nhân và gia đình, có đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Xuân T; theo đó giao Quyền sử dụng đất có diện tích 102 m^2 thuộc thửa 1826, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại phường Y, thị xã Z, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND huyện Tân Thành cấp cho hộ ông Nguyễn Ngọc H vào ngày 05/4/2004 và tài sản có trên đất là căn nhà cho ông H tiếp tục quản lý, sử dụng và định đoạt; ông H phải có trách nhiệm giao lại cho bà T ½ giá trị căn nhà bằng tiền.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Xuân T thì Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn"; bị đơn ông Nguyễn Ngọc H có địa chỉ tại thị xã Phú Mỹ; đối tượng tranh chấp là bất động sản tọa lạc tại phường Y, thị xã Z, nay có tranh chấp nên xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ theo quy định tại các Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Bị đơn - ông Nguyễn Ngọc H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ, tuy nhiên ông H vắng mặt lần thứ 2 tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan, nên Hội đồng xét xử không hoãn phiên tòa mà tiếp tục xét xử theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về tình trạng hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Xuân T và ông Nguyễn Ngọc H:

Căn cứ vào Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 43, quyển số 01/95 ngày 01/5/1995 và quyết định giải quyết yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn số 38/2009/QĐ-VHN ngày 31/12/2009 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu thì: bà Nguyễn Thị Xuân T và ông Nguyễn Ngọc H là vợ chồng hợp pháp từ ngày 01/05/1995 đến ngày 31/12/2009.

[2.1] Xác định tài sản chung của bà Nguyễn Thị Xuân T và ông Nguyễn Ngọc H:

Căn cứ vào Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được UBND huyện Tân Thành ký xác nhận ngày 20/02/2004 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND huyện Tân Thành cấp cho hộ ông Nguyễn Ngọc H vào ngày 05/4/2004 thì thấy: Ngày 20/02/2004 ông Phan Văn T, bà Thạch Thị P chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Ngọc H, bà Nguyễn Thị Xuân T để sử dụng với diện tích 102 m^2 (trong đó: đất ở 50 m^2, đất trồng cây lâu năm 52 m^2) thuộc thửa số 1826, tờ bản đồ số 16 tọa lạc tại ấp X, xã Y, huyện Z, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Ngày 05/4/2004, UBND huyện Tân Thành đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên cho hộ ông Nguyễn Ngọc H. Năm 2004, bà T và ông H xây dựng nhà để ở và sử dụng cho tới nay.

Như vậy, có đủ cơ sở để khẳng định quyền sử dụng đất có diện tích 102 m^2 thuộc thửa 1826, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại phường Y, thị xã Z, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND huyện Tân Thành cấp cho hộ ông Nguyễn Ngọc H vào ngày 05/4/2004 và tài sản có trên đất là căn nhà được hình thành trong thời kỳ hôn nhân giữa ông H và bà T. Tại thời điểm nhận chuyển nhượng và xây nhà trên đất các con của bà T, ông H còn nhỏ, không có đóng góp công sức và tiền bạc. Do đó, được xác định đây là tài sản chung của bà T và ông H.

[2.3] Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị Xuân T được hưởng ½ giá trị nhà đất trên thì thấy:

Căn cứ vào Biên bản định giá tài sản ngày 21/9/2018, sơ đồ vị trí thửa đất thì: Giá trị đất được xác định là: 102 m^2 x 3.500.000đ/m^2 = 357.000.000 đồng; giá trị nhà được xác định: 86 m^2 x 3.257.000đ/m^2 x 60% (chất lượng còn lại) = 168.061.200 đồng; tổng giá trị nhà và đất là: 525.061.200 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà T và ông H không cung cấp giấy tờ tài liệu nào chứng minh công sức đóng góp nhiều hay ít đối với nhà đất trên; do đó, quyền lợi của ông H và bà T đối với nhà đất được xác định là bằng nhau.

Do tài sản chung là Quyền sử dụng đất có chiều ngang 6 m, căn nhà đã xây gần hết diện tích đất, nên không thể chia theo hiện vật. Ông Nguyễn Ngọc H là người trực tiếp quản lý, sử dụng nhà đất trên; do đó tiếp tục giao Quyền sử dụng đất có diện tích 102 m^2 thuộc thửa 1826, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại phường Y, thị xã Z, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và tài sản có trên đất là căn nhà cho ông H tiếp tục quản lý, sử dụng, sở hữu và định đoạt; đồng thời buộc ông H phải có trách nhiệm giao lại cho bà T ½ giá trị căn nhà bằng tiền theo yêu cầu khởi kiện của bà T là hoàn toàn có căn cứ nên chấp nhận, cụ thể số tiền ông H phải giao cho bà T là: 525.061.200 đồng : 2 = 262.530.600 đồng.

[3] Về chi phí tố tụng: Hết 3.800.000 đồng, nay bà T tự nguyện nộp nên ghi nhận, bà T đã nộp xong.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Xuân T và ông Nguyễn Ngọc H phải nộp án phí có giá ngạch đối với phần tài sản mình được chia; cụ thể, mỗi người phải nộp: 13.126.500 đồng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng Điều 33, Điều 59, Điều 62 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Xuân T về việc: "Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn";

Ông Nguyễn Ngọc H được quyền quản lý, sử dụng quyền sử dụng đất có diện tích 102 m^2 có tọa độ (1,2,3,4,1) theo sơ đồ vị trí của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã Phú Mỹ lập ngày 10/8/2018, thuộc thửa 1826, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại phường Y, thị xã Z, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND huyện Tân Thành cấp cho hộ ông Nguyễn Ngọc H vào ngày 05/4/2004 và được quyền quản lý, sử dụng, sở hữu và định đoạt căn nhà hiện hữu có trên đất.

Buộc ông Nguyễn Ngọc H phải giao lại ½ giá trị nhà đất trên cho bà Nguyễn Thị Xuân T với số tiền là 262.530.600đ (Hai trăm sáu mươi hai triệu năm trăm ba mươi ngàn sáu trăm đồng).

Các đương sự được quyền liên hệ tới cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình liên quan đến nhà đất trên theo quy định của pháp luật về đất đai, về nhà ở.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Chi phí tố tụng: hết 3.800.000 đồng, bà T tự nguyện nộp; bà T đã nộp xong.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Ngọc H phải chịu: 13.126.500đ (Mười ba triệu một trăm hai mươi sáu ngàn năm trăm đồng);

Bà Nguyễn Thị Xuân T phải chịu: 13.126.500đ (Mười ba triệu một trăm hai mươi sáu ngàn năm trăm đồng); được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 5.000.000 đồng theo biên lai số 0001480 ngày 03 tháng 5 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ; nên bà T còn phải nộp: 8.126.500đ (Tám triệu một trăm hai mươi sáu ngàn năm trăm đồng).

5. Các đương sự được kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (người vắng mặt cũng 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

6. Trường hợp, bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Kèm theo Bản án là sơ đồ vị trí của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã Phú Mỹ lập ngày 10/8/2018.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký tên và đóng dấu)

Cao Xuân Long

Nơi nhận:
- VKS nhân dân thị xã Phú Mỹ;
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Chi cục THADS thị xã Phú Mỹ;
- Các đương sự trong vụ án;
- Lưu hồ sơ.